TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Đình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và bà Phạm Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Hải Thương - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Bế Thị Vân A, sinh ngày 15/4/2000; Căn cước số: 067300000451, ngày cấp: 24/3/2025, nơi cấp: Bộ C; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Vũ Xuân N, sinh ngày 09/10/1996; Căn cước công dân số: 067096002923, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án chị Bế Thị Vân A trình bày:

Chị Bế Thị Vân A và anh Vũ Xuân N tự nguyện sống chung từ giữa năm 2015, đến ngày 19/02/2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (cũ), nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2019. Hôn nhân và sống chung được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Chị Vân A và anh N chung sống

hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Anh N còn là người vũ phu, nghiện ngập. Do đó, đến năm 2022 chị Vân A không còn chung sống. Nay xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị Bế Thị Vân A yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Xuân N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Bế Thị Vân A và anh Vũ Xuân N có 02 con chung là Vũ Xuân P, sinh ngày 28/02/2016 và Vũ Xuân L, sinh ngày 07/3/2022. Hiện cả 02 con chung đang sống cùng chị Vân A tại Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Khi ly hôn, chị Bế Thị Vân A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Chị Vân A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bế Thị Vân A không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Đối với bị đơn anh Vũ Xuân N*:**

Quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Xuân N không đến Tòa án để làm việc. Qua xác minh tại địa phương được biết chị Bế Thị Vân A và anh Vũ Xuân N có tổ chức kết hôn tại địa phương, sau khi kết hôn chị Vân A và anh N đi làm ăn ở nơi khác, lâu lâu mới trở về thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn anh Vũ Xuân N theo đúng quy định của pháp luật, đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của bị đơn, Tòa án áp dụng vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các áp dụng của pháp luật để xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Bị đơn anh Vũ Xuân N không chấp hành theo quy định của pháp luật, vắng mặt không có lý do, anh Vũ Xuân N tự tước bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Bế Thị Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[**1**] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bế Thị Vân A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về con chung với anh Vũ Xuân N. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Xuân N có đăng ký thường trú tại thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn chị Bế Thị Vân A: Chị Bế Thị Vân A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Đối với sự vắng mặt của bị đơn anh Vũ Xuân N: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh Vũ Xuân N đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phán bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Như vậy, anh Vũ Xuân N phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[**2**] Về nội dung:

[**2.1**] Về hôn nhân: Chị Bế Thị Vân A và anh Vũ Xuân N, tự nguyện chung sống từ giữa năm 2015 và đến ngày 19/02/2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (cũ), nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2019, phù hợp với Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, hôn nhân của chị Vân A và anh N được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bế Thị Vân A, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống chị Bế Thị Vân A và anh Vũ Xuân N xảy ra nhiều mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ngoài ra, anh N còn vũ phu, nghiện ngập, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Đến năm 2022, chị Vân A và anh N không còn sống chung. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng, dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị Bế Thị Vân A không còn tình cảm với anh Vũ Xuân N, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình. Hiện nay, quan hệ hôn nhân không có

khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Tại điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có áp dụng về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Như vậy, hôn nhân của Bế Thị Vân A và anh Vũ Xuân N đã vi phạm Điều 19, Điều 21 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Bế Thị Vân A về việc ly hôn với anh Vũ Xuân N.

[**2.2**] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Bế Thị Vân A và anh Vũ Xuân N có 02 con chung là Vũ Xuân P, sinh ngày 28/02/2016 và Vũ Xuân L, sinh ngày 07/3/2022. Chị Bế Thị Vân A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu anh Vũ Xuân N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy chị Vân A đang đi làm thuê, thu nhập hàng tháng là 8.000.000 đồng, sống cùng cha mẹ tại thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, đảm bảo điều kiện trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung. Hơn nữa con chung Vũ Xuân P, sinh ngày 28/02/2016 cũng có nguyện vọng được ở với chị Vân A. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N vắng mặt và không đưa ra quan điểm về con chung. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung là Vũ Xuân P, sinh ngày 28/02/2016 và Vũ Xuân L, sinh ngày 07/3/2022 cho chị Vân A nuôi dưỡng là phù hợp.

[**2.3**] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[**2.4**] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[**3**] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có áp dụng nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[**4**] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bế Thị Vân A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Lâm Đồng.

[**5**] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 19; Điều 21; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bế Thị Vân A.

1. Về hôn nhân: Chị Bế Thị Vân A được ly hôn với anh Vũ Xuân N (chấm dứt quan hệ hôn nhân). Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2019, ngày 19/02/2019 của UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Vũ Xuân P, sinh ngày 28/02/2016 và cháu Vũ Xuân L, sinh ngày 07/3/2022 cho chị Bế Thị Vân A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Vũ Xuân N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Bế Thị Vân A không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các điều 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bế Thị Vân A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu

vực 9 – Lâm Đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007150 ngày 30 tháng 10 năm 2025.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9 – Lâm Đồng;
- UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Minh